

Số: /BC-VP

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính quý III năm 2022**

Thực hiện Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 900/UBND-TTHC ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh và chế độ thông tin, báo cáo; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Văn phòng UBND tỉnh (*Văn phòng*) báo cáo việc thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý III năm 2022, như sau:

**I. Về công tác chỉ đạo, điều hành**

**1. Công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh**

Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Đồng thời, tổng hợp, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ban ngành và UBND cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, như: Triển khai thực hiện biên dịch các TTHC có liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài, người nước ngoài sang tiếng nước ngoài (*Công văn số 3342/UBND-TTHC ngày 08/7/2022*); triển khai nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg và hướng dẫn của Bộ Tư pháp (*Công văn số 2913/UBND-TTHC ngày 16/6/2022*); về việc số hóa và nâng cấp Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin điện tử một cửa tỉnh Quảng Ngãi phiên bản 2.0 (*Công văn số 2795/UBND-TTHC ngày 10/6/2022*); về việc thường xuyên rà soát văn bản QPPL theo Quyết định số 06/QĐ-TTg (*Công văn số 3145/UBND-TTHC ngày 28/6/2022*)...

**2. Công tác chỉ đạo, điều hành của Văn phòng UBND tỉnh**

a) Ban hành: Kế hoạch Cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” năm 2022 và định hướng đến năm 2025 (*Kế hoạch số 1229/KH-VP ngày 20/7/2022*); Kế hoạch Cải thiện, nâng cao chỉ số “Tính minh bạch” trên địa bàn tỉnh năm 2022 và định hướng đến năm 2025 (*Kế hoạch số 1247/KH-VP ngày 22/7/2022*); Kế hoạch khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi thuộc trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh bị trừ điểm (*Kế hoạch số 1303/KH-VP ngày 03/8/2022*); hướng dẫn nghĩa vụ thanh toán tài chính qua Cổng Dịch vụ công

quốc gia trong giải quyết TTHC (*Công văn số 1272/VP-TTHC ngày 28/7/2022*)...

b) Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh (*Tờ trình số 1495/TTr-VP ngày 31/8/2022*) để thay thế Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

### **3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm quý III tại Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của Văn phòng**

Qua rà soát, các nhiệm vụ trọng tâm trong quý III của Kế hoạch CCHC năm 2022 của Văn phòng đã được thực hiện đầy đủ, hoàn thành theo tiến độ đề ra, cụ thể:

a) Xây dựng Quy trình đánh giá, phân loại công chức, viên chức, chuẩn bị lấy ý kiến và dự kiến sẽ ban hành trong tháng 9/2022 theo đúng kế hoạch đề ra.

b) Trình UBND tỉnh ban hành: Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh (*Tờ trình số 1458/TTr-VP ngày 24/8/2022*) và Quyết định ban hành Quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh (*Tờ trình số 1495/TTr-VP ngày 31/8/2022*).

### **4. Tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao**

Từ ngày 16/6/2022 đến ngày 15/9/2022, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao cho các sở, ban ngành và địa phương tổng cộng 58 nhiệm vụ, trong đó: chờ tiếp nhận 17 nhiệm vụ (*trong hạn: 03 nhiệm vụ, quá hạn: 14 nhiệm vụ*); chưa hoàn thành 27 nhiệm vụ (*trong hạn: 19 nhiệm vụ, quá hạn: 08 nhiệm vụ*); đã hoàn thành 05 nhiệm vụ (*trong hạn: 01 nhiệm vụ, quá hạn: 04 nhiệm vụ*); chờ kết thúc 08 nhiệm vụ (*trong hạn: 0 nhiệm vụ, quá hạn: 08 nhiệm vụ*). Trên cơ sở các văn bản giao nhiệm vụ, Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên theo dõi, rà soát, tham mưu lãnh đạo UBND tỉnh hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản đôn đốc các sở, ban ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ được giao.

## **II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính**

### **1. Cải cách thể chế**

a) Văn phòng đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh ban hành 08 văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình công tác Quý III/2022 của UBND tỉnh (*Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 04/7/2022*) để làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính của tỉnh.

b) Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Trình UBND tỉnh ban hành: Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh; Quyết định ban hành

Quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quan trọng do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong lĩnh vực kiểm soát TTHC; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (đã nêu cụ thể tại khoản 1, 2 Mục I Báo cáo này).

## **2. Kết quả thực hiện cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

a) Công bố, công khai minh bạch TTHC:

- Trong Quý III/2022, Văn phòng đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, cụ thể: 19 TTHC mới ban hành, 19 TTHC thay thế, 06 TTHC sửa đổi, 03 TTHC bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tư pháp, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc.

- Triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ, trên cơ sở hướng dẫn thực hiện tái cấu trúc quy trình thực hiện của Bộ Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy trình thực hiện TTHC đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn trực tuyến trên địa bàn tỉnh (*Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 07/9/2022*).

b) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Văn phòng đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh rút ngắn thời gian giải quyết của 06 TTHC.

c) Công tác kiểm tra kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Triển khai thực hiện Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 21/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh năm 2022 trên địa bàn tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện kiểm tra thực tế công tác kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại 07/10 đơn vị. Trong Quý III, Chánh Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành 03 Thông báo Kết luận kiểm tra tại các đơn vị: UBND xã Đức Chánh và UBND xã Đức Lợi (huyện Mộ Đức), xã Phổ Châu (Thị xã Đức Phổ).

d) Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

\* Về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp

- Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh: Trong Quý III, hoạt động của Trung tâm giữ được sự ổn định, chuyên nghiệp, được tổ chức, công dân đánh giá hài lòng cao. Trung tâm được đầu tư, bố trí trang thiết bị hiện đại, trở thành đầu mối tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả hiện đại và chuyên nghiệp nhất của tỉnh; duy trì các ứng dụng tiện ích để nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, công dân. Trung tâm tiếp tục tổ chức làm việc ngày Thứ 7 hàng tuần để trả kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai của hộ gia đình, cá nhân từ ngày 16/4/2022 cho đến nay. Qua theo dõi, trong 05 ngày tổ chức làm việc ngày Thứ 7 vừa qua

đã trả được tổng cộng 415 hồ sơ, bình quân mỗi ngày Thứ 7 trả được 83 hồ sơ. Hiện nay, nhu cầu giải quyết TTHC về đất đai của người dân tương đối ổn định, vì vậy Trung tâm thực hiện làm việc buổi sáng Thứ 7 hàng tuần để phục vụ người dân.

- Cấp huyện, cấp xã: Hiện nay trên toàn tỉnh có 13/13 Bộ phận Một cửa thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố và 173 Bộ phận Một cửa thuộc UBND các xã, phường, thị trấn. Cơ sở vật chất bố trí cho Bộ phận Một cửa được trang bị cơ bản đầy đủ để phục vụ cho việc giải quyết TTHC của tổ chức, công dân; tuy nhiên tại một số đơn vị cấp xã, trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu giải quyết TTHC cho người dân và tổ chức, chưa đảm bảo theo quy định, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

Hiện nay, Văn phòng UBND tỉnh đang phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ cho người làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp.

**\* Kết quả thực hiện nhiệm vụ số hóa TTHC:**

Thực hiện Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Từ ngày 01/6/2022, Trung tâm bắt đầu triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. Cùng với số hóa hồ sơ thủ tục hành chính, Trung tâm tích cực phối hợp với các sở ngành tập trung triển khai thực hiện đồng bộ 25 dịch vụ công thiết yếu theo yêu cầu của Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong thời gian tới, Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn, hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ TTHC; đảm bảo cấp huyện đưa vào thực hiện từ ngày 01/12/2022, cấp xã từ ngày 01/6/2023.

**\* Kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận của 20 cơ quan, đơn vị tại Trung tâm là 33.040 hồ sơ; đã giải quyết và trả kết quả 28.540 hồ sơ; đang giải quyết 4.500 hồ sơ. Các hồ sơ liên thông trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được Trung tâm tiếp nhận, luân chuyển đến các phòng chuyên môn để tham mưu trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kịp thời, nhanh chóng; phần lớn hồ sơ đều giải quyết trước hạn và đúng hạn, được doanh nghiệp rất hài lòng.

- Việc theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc tiến độ giải quyết hồ sơ đảm bảo đúng tiến độ, thời gian quy định; thực hiện thông báo công khai văn bản xin lỗi của các cơ quan để tổ chức, cá nhân biết; đồng thời, hệ thống tổng đài của Trung tâm cũng tự động thông báo hơn 10.000 tin nhắn mời người dân, doanh nghiệp đến nhận kết quả giải quyết trước thời hạn, bổ sung hồ sơ, tạm dừng xử lý hồ sơ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết ngay tại chỗ với tổng số 5.723 hồ sơ, trong đó có 864 hồ sơ cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 4.859 hồ sơ lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính:

+ Đẩy mạnh triển khai thực hiện việc thanh toán điện tử, thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong lĩnh vực đất đai thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, đến nay số tiền thanh toán đạt gần 11 tỷ đồng.

+ Các sở, ban ngành trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh và các hệ thống chuyên ngành của các Bộ, ngành liên quan. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tăng liên tục trên tất cả các lĩnh vực, đã có 11.822 hồ sơ được tiếp nhận; riêng tháng 7, tháng 8 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt gần 54%/tổng hồ sơ tiếp nhận mới; qua đó giúp người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục nhanh chóng, tiết kiệm đáng kể chi phí, thời gian đi lại.

+ Kết quả tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính: Tiếp nhận 1.200 hồ sơ nộp qua đường Bưu chính và 3.704 hồ sơ được trả kết quả qua đường Bưu chính theo yêu cầu của tổ chức, công dân.

\* Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định hành chính: Tiếp nhận qua đơn thư 07 phản ánh của công dân về lĩnh vực đất đai, còn lại tiếp nhận qua số điện thoại đường dây nóng phản ánh về TTHC. Các phản ánh của công dân đều đã được chuyển tới cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý kịp thời, nhanh chóng.

\* Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC tại Trung tâm: Tổ chức, cá nhân đến thực hiện TTHC đều hài lòng và đánh giá cao thái độ phục vụ của đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên trong việc hướng dẫn, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm; việc đánh giá mức độ hài lòng được thực hiện thông qua thiết bị Tablet hoặc Phiếu đánh giá đặt tại quầy tiếp nhận hồ sơ hoặc có thể đánh giá qua Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh. Đã có 2.939 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC, trong đó tỷ lệ đánh giá rất hài lòng và đánh giá hài lòng luôn duy trì mức tỷ lệ cao 99%. Trong quý, tổng số lượt đánh giá mức độ hài lòng thấp so với tổng số hồ sơ giải quyết, do khi chuyển sang sử dụng phần mềm phiên bản 2.0 bị lỗi đã gây gián đoạn tính năng đánh giá mức độ hài lòng trong thời gian dài.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

a) Theo Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Chủ tịch UBND về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022, Văn phòng UBND tỉnh được giao 62

biên chế công chức, 16 biên chế sự nghiệp; đến nay thực hiện 59 biên chế công chức, 15 biên chế sự nghiệp.

b) Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh (*Tờ trình số 1458/TTr-VP ngày 24/8/2022*).

#### **4. Cải cách chế độ công vụ, công chức**

a) Cử 01 công chức tham gia khóa bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp; cử 03 công chức, 03 viên chức và 01 nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng các kỹ năng về CCHC, xây dựng đề án vị trí việc làm, phòng chống tham nhũng, văn hóa ứng xử... do Sở Nội vụ tổ chức.

b) Xây dựng dự thảo Đề án vị trí việc làm mới của Văn phòng và gửi Sở Nội vụ thẩm định (*Công văn số 1132/VP-HCQT ngày 30/6/2022*).

c) Trình bổ sung ủy viên Ban cán sự đảng UBND tỉnh (*Công văn số 1296/VP-HCQT ngày 01/8/2022*).

d) Về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính: Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần, trách nhiệm phục vụ Nhân dân của đảng viên, công chức, viên chức và người lao động gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị và việc thực hiện Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi (*thông qua việc ban hành Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức Văn phòng UBND tỉnh năm 2021; Thông báo kết luận các cuộc họp giao ban định kỳ của Văn phòng UBND tỉnh*). Qua kiểm tra chưa có công chức, viên chức, người lao động nào vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

#### **5. Cải cách tài chính công**

a) Tiếp tục thực hiện việc quản lý, sử dụng ngân sách đúng mục đích và quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản tại cơ quan. Thực hiện báo cáo tình hình mua sắm theo Thỏa thuận khung số 01/TTK-MSTT ngày 23/6/2022 (*Công văn số 1482/VP-HCQT ngày 29/8/2022*); điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (*Công văn số 1311/VP-HCQT ngày 03/8/2022*)...

b) Tiếp tục triển khai các nội dung theo dự toán năm 2022, như: đăng ký mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản năm 2022; chi hoạt động trong quý III của UBND tỉnh và Văn phòng... . Thực hiện tiết kiệm kinh phí tự chủ, tạo nguồn chi thu nhập tăng thêm ước khoảng trên 400.000 đồng/người/tháng.

c) Thực hiện đăng ký mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản năm 2023 (*Công văn số 1541/VP-HCQT ngày 09/9/2022*). Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2023 - 2025.

#### **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

a) Thực hiện nâng cấp cơ sở dữ liệu theo dõi nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, tích hợp tính năng Quản lý nhiệm vụ trên phần mềm office, hiện nay Văn phòng đã đưa vào sử dụng.

b) 100% văn bản của UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh (*trừ văn bản mật*) được gửi văn bản điện tử trên trục liên thông văn bản điện tử của tỉnh và trục liên thông văn bản điện tử quốc gia kịp thời, đảm bảo việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số thông suốt và ổn định; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tại Văn phòng; tiếp tục triển khai hệ thống Thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; triển khai áp dụng các giải pháp công nghệ trong phòng, chống dịch Covid-19. Triển khai thực hiện lập hồ sơ điện tử và lập hồ sơ điện tử vào Lưu trữ cơ quan trên Hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

c) Trong 8 tháng đầu năm 2022, đã cung cấp 7.541 tin, bài, infographic, ảnh và video trên Cổng TTĐT tỉnh. Trong đó, 472 video, 2.212 tin, 1.383 bài, 3.474 ảnh. Trong đó, tuyên truyền khoảng 70 tin, bài về cải cách hành chính. Đã biên tập, rà soát, xuất bản 2 số Công báo điện tử tỉnh.

- Các TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố đều được đăng tải kịp thời, công khai trên Cổng TTĐT tỉnh; đồng thời, tạo đường link tới Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi (<https://motcua.quangngai.gov.vn>).

- Ngoài ra, Cổng TTĐT tỉnh cũng thường xuyên đăng tải tin tức về công tác kiểm soát TTHC và hoạt động của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp; tạo Baner “Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về Thủ tục hành chính” để cung cấp số điện thoại, địa chỉ mail,... của các sở, ban ngành và địa phương nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên hệ khi có nhu cầu trong giải quyết TTHC

d) Tiếp tục triển khai thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia 9001:2015 tại Văn phòng UBND tỉnh theo Kế hoạch số 1507/KH-VP ngày 14/11/2020 của Văn phòng UBND tỉnh.

*(Kèm theo Phụ lục Thống kê số liệu về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại Văn phòng UBND tỉnh)*

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm trong 3 tháng cuối năm 2022**

1. Tập trung triển khai thực hiện có chất lượng, đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch CCHC năm 2022 của tỉnh và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện quyết liệt công tác CCHC, nhất là cải cách TTHC. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, đơn giản hóa chế độ báo cáo; nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến những quy định hành chính.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan liên quan theo dõi, đánh giá kết quả

CCHC của tỉnh năm 2022 và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện việc tự chấm điểm, đánh giá trước kết quả CCHC của tỉnh, trên cơ sở đó đề ra giải pháp khắc phục những tiêu chí có khả năng bị trừ điểm.

- Hoàn thành kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC và việc tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa; tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra và tham mưu chỉ đạo, xử lý kết quả kiểm tra trình Chủ tịch UBND tỉnh.

- Phối hợp với cơ quan liên quan đưa các TTHC đã thực hiện biên dịch sang tiếng nước ngoài có liên quan đến doanh nghiệp, người nước ngoài để công khai trên Cổng Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh, Trang thông tin của các sở, ban ngành để doanh nghiệp, người nước ngoài tìm hiểu, thực hiện.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện thanh toán trực tuyến; triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án 06 trong giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp.

2. Tiếp tục thực hiện công tác tổ chức, cán bộ tại cơ quan, sắp xếp, bố trí công chức, viên chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban, đơn vị. Hoàn thành việc chuyển đổi vị trí công tác của công chức trong năm 2022 theo kế hoạch đề ra. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực hiện nhiệm vụ, kinh nghiệm công tác và đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động... .

3. Tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ. Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí tại Trung tâm Công báo và Tin học. Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý ngân sách, tài sản công và chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn cơ quan năm 2022.

5. Tham mưu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh; ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng và Quy trình đánh giá, phân loại công chức, viên chức của Văn phòng.

Văn phòng UBND tỉnh báo cáo công tác cải cách hành chính Quý III năm 2022, đề nghị Sở Nội vụ tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT UBND tỉnh (*báo cáo*);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: BTV Đảng ủy, CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, CBTH;
- Lưu: VT, HCQT(b).

**CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Vũ Minh Tâm**



**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I/2022 CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-VP ngày /9/2022 của Văn phòng UBND tỉnh)

**Biểu mẫu 1**  
**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

| STT      | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý,<br>6 tháng, năm)           | Kết quả thống kê                                      |              | Ghi chú   |
|----------|---|---|--------------|---|
|          |   | Đơn vị tính   | Số liệu      |   |
| <b>5</b> | <b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ,<br/>Thủ tướng Chính phủ giao</b>                   |   |              | VP UBND<br>tỉnh tổng<br>hợp   |
| 5.1.     | Tổng số nhiệm vụ được giao  | Nhiệm vụ  | <b>34</b>    |   |
| 5.2.     | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn  | Nhiệm vụ  | <b>10</b>    |   |
| 5.3.     | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng<br>quá hạn  | Nhiệm vụ  | <b>0</b>     |   |
| 5.4.     | Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa<br>hoàn thành  | Nhiệm vụ  | <b>0</b>     |   |
| <b>6</b> | <b>Khảo sát sự hài lòng của người<br/>dân, tổ chức</b>                              | Có = 1;<br>Không = 0                                  | <b>1</b>     | VP UBND<br>tỉnh tổng hợp<br>(khảo sát sự<br>hài lòng của<br>người dân<br>khi thực hiện<br>TTHC tại<br>Trung tâm<br>PV-<br>KSTTHC) |
| 6.1      | Số lượng phiếu khảo sát   | Số lượng  | <b>2.939</b> |   |
| 6.2.     | Hình thức khảo sát  | Trực tuyến =<br>0<br>Phát phiếu =<br>1<br>Kết hợp = 2 | <b>2</b>     |   |
| <b>7</b> | <b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với<br/>người dân, cộng đồng doanh<br/>nghiệp</b> | Không = 0<br>Có = 1                                   | <b>1</b>     |   |

**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

| STT       | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)                      | Kết quả thống kê |               | Ghi chú   |
|-----------|---|------------------|---------------|---|
|           |   | Đơn vị tính      | Số liệu       | VP UBND tỉnh tổng hợp   |
| <b>1.</b> | <b>Thống kê TTHC</b>  |                  |               |   |
| 1.1.      | Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa  | Thủ tục          | <b>6</b>      |   |
| 1.2.      | Số TTHC công bố mới   | Thủ tục          | <b>19</b>     |   |
| 1.3.      | Số TTHC bãi bỏ, thay thế  | Thủ tục          | <b>22</b>     |   |
| 1.4.      | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương                                     | Thủ tục          | <b>1.799</b>  |   |
| 1.4.1.    | Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)                                    | Thủ tục          | <b>1.333</b>  |   |
| 1.4.2.    | Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)                                   | Thủ tục          | <b>330</b>    |   |
| 1.4.3.    | Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)                                      | Thủ tục          | <b>136</b>    |   |
| <b>2.</b> | <b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>   |                  |               |   |
| 2.1.      | Số TTHC liên thông cùng cấp   | Thủ tục          | <b>226</b>    |   |
| 2.2.      | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền   | Thủ tục          | <b>114</b>    |   |
| 2.3.      | Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính. | Thủ tục          | <b>0</b>      |   |
| <b>3.</b> | <b>Kết quả giải quyết TTHC</b>  |                  |               |   |
| 3.1.      | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn                        | %                | <b>86,4%</b>  | Tỷ lệ này giảm do phạm mềm Công Dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh bị lỗi |
| 3.1.1.    | Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong   | Hồ sơ            | <b>33.040</b> |   |
| 3.1.2.    | Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn   | Hồ sơ            | <b>28.540</b> |   |

| STT    | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)                | Kết quả thống kê |                                    | Ghi chú<br>VP UBND tỉnh tổng hợp |
|--------|---|------------------|------------------------------------|----------------------------------|
|        |   | Đơn vị tính      | Số liệu                            |                                  |
| 3.2.   | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn                 | %                | <i>Chờ báo cáo KSTTHC của tỉnh</i> |                                  |
| 3.2.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>  | <i>Hồ sơ</i>     | -                                  |                                  |
| 3.2.2. | <i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>  | <i>Hồ sơ</i>     | -                                  |                                  |
| 3.3.   | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn                    | %                | <i>Chờ báo cáo KSTTHC của tỉnh</i> |                                  |
| 3.3.1. | <i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>  | <i>Hồ sơ</i>     | -                                  |                                  |
| 3.3.2. | <i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>  | <i>Hồ sơ</i>     | -                                  |                                  |
| 3.4.   | Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC                          | %                | <b>100%</b>                        |                                  |
| 3.4.1. | <i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i> | <i>PAKN</i>      | <b>07</b>                          |                                  |
| 3.4.2. | <i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>   | <i>PAKN</i>      | <b>07</b>                          |                                  |

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

| STT      | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)              | Kết quả thống kê |             | Ghi chú<br>VP UBND tỉnh và Sở TT&TT tổng hợp |
|----------|---|------------------|-------------|--|
|          |   | Đơn vị tính      | Số liệu     |  |
| <b>3</b> | <b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b> | %                | <b>100%</b> |  |
| <b>6</b> | <b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>   |                  |             |  |
| 6.1.     | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3                           | %                |             |  |
| 6.1.1.   | <i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>                       | <i>Thủ tục</i>   |             |  |

| STT    | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)  | Kết quả thống kê |               | Ghi chú<br>VP UBND tỉnh và Sở TT&TT tổng hợp |
|--------|---|------------------|---------------|--|
|        |   | Đơn vị tính      | Số liệu       |  |
| 6.1.2. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3   | Thủ tục          |               |  |
| 6.1.3. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến   | Thủ tục          |               |  |
| 6.2.   | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4   | %                |               |  |
| 6.2.1. | Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4  | Thủ tục          |               |  |
| 6.2.2. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4   | Thủ tục          |               |  |
| 6.2.3. | Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến   | Thủ tục          |               |  |
| 6.3.   | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia                                | %                | <b>100%</b>   |  |
| 6.3.1. | Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương  | Thủ tục          | <b>4.578</b>  |  |
| 6.3.2. | Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia                                   | Thủ tục          | <b>4.578</b>  |  |
| 6.4.   | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ) | %                | <b>35,77%</b> |  |
| 6.4.1. | Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)  | Hồ sơ            | <b>33.042</b> |  |
| 6.4.2. | Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến   | Hồ sơ            | <b>11.822</b> |  |
| 6.5.   | Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến  | %                | <b>100%</b>   |  |
| 6.5.1. | Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)                                | Thủ tục          | <b>189</b>    |  |
| 6.5.2. | Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC  | Thủ tục          | <b>189</b>    |  |

| STT | Chỉ tiêu thống kê<br>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê |         | Ghi chú<br>VP UBND tỉnh và Sở TT&TT tổng hợp |
|-----|--|------------------|---------|--|
|     |  | Đơn vị tính      | Số liệu |  |
|     | <i>quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>                           |                  |         |  |